

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 01-GF/LTV/2025

**KẸO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI
HƯƠNG VIỆT QUẤT**

2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-GF/LTV/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: KẼO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI HƯƠNG VIỆT QUẤT

2. Thành phần:

Đường, cốt gôm, đường dextrose, mạch nha, bột gạo nếp, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), hương liệu việt quất nhân tạo, gelatin, chất làm ẩm (INS 422), chất làm bóng (INS 901, INS 903, INS 904), chất nhũ hóa (INS 473), màu thực phẩm tổng hợp (INS 122, INS 133)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

- Bán thành phẩm nhập khẩu: 15 kg/thùng
- Thành phẩm: Gum được đóng gói dưới dạng hũ. Khối lượng tịnh: 13,8 g

Sau đó, hũ gum được đóng gói dưới dạng khay: Khối lượng tịnh: 375 g (25 hũ x 13,8 g).

4.2. Chất liệu bao bì:

- Thân hũ và nắp hũ: Nhựa PP
- Khay: Giấy Duplex

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Thái Lan
- Nhà sản xuất: Công ty TNHH Lotte Thái Lan



- Địa chỉ: 700/830 Moo 6, Tambol Nongtamlung, Amphur Panthong, Tỉnh Chonburi 20160, Thái Lan.
- **Thương nhân nhập khẩu, đóng gói và chịu trách nhiệm về sản phẩm:** Công ty TNHH Lotte Việt Nam.
- Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8 – 2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- Thông tư 09/VBHN-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- Thông tư 29/2023/TT-BYT thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn hàng hóa
- Tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm cụ thể do Công ty TNHH Lotte Việt Nam xây dựng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Tổng Giám Đốc
OGAWA TAKAAKI

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
KẸO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI HƯƠNG VIỆT QUẤT

Số: 01-GF/LTV/2025

*** CHỈ TIÊU CẢM QUAN**

Trạng thái: lớp ngoài bọc đường giòn, lớp trong dẻo.

Màu sắc : màu tím

Mùi vị : mùi việt quất, vị ngọt, chua

*** CHỈ TIÊU HOÁ LÝ:** Áp dụng theo tiêu chuẩn của Công ty TNHH Lotte Việt Nam

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn
Độ ẩm	%	≤ 4
Hàm lượng đường tổng	%	≥ 60
Hàm lượng Sunfit	mg/kg	≤ 10

*** CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG:** Áp dụng theo QCVN 8 – 2:2011/BYT

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Hàm lượng Asen	mg/kg	1
Hàm lượng Chì	mg/kg	0.5
Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	0.05
Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1

*** CHỈ TIÊU VI SINH:** Áp dụng theo tiêu chuẩn Công ty TNHH Lotte Việt Nam

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
Coliforms	MPN/g	10
E. Coli	MPN/g	0
Staphylococcus aureus	CFU/g	3
Salmonella spp.	/25g	0
Tổng số nấm men, mốc	CFU/g	10^2

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025



Tổng Giám Đốc
OGAWA TAKAAKI

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG
KẸO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI HƯƠNG VIỆT QUẤT

Bảng tiêu chuẩn dinh dưỡng

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị dinh dưỡng trong 100 g (trên nhãn)	Khoảng giá trị dinh dưỡng cho phép trong 100 g
Năng lượng	kcal	372	297,6 – 446,4
Chất đạm	g	0,4	0,32 – 0,48
Carbohydrat	g	86,4	69,1 – 103,7
Đường tổng số	g	75,7	60,6 – 90,8
Chất béo	g	1,4	1,1 – 1,7
Natri	mg	3,2	2,6 – 3,8

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Giám Đốc
OGAWA TAKAAKI

Sản phẩm	KẸO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI
Hương	VIỆT QUẤT
Loại bao bì	Hũ
Khối lượng tịnh	13,8 g



NIỀM VUI BẤT TẬN CÙNG FUSEN NOMI

THỞ BÓNG SIÊU LỚN

NHAI KẸO SIÊU VUI

Thành phần: Đường, cốt gôm, đường dextrose, mạch nha, bột gạo nếp, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), hương liệu việt quất nhân tạo, gelatin, chất làm ẩm (INS 422), chất làm bóng (INS 901, INS 903, INS 904), chất nhũ hóa (INS 473), màu thực phẩm tổng hợp (INS 122, INS 133).

Thông tin dinh dưỡng trong 100 g:
Năng lượng: 372 kcal; Chất đạm: 0,4 g; Carbohydrat: 86,4 g; Đường tổng số: 75,7 g; Chất béo: 1,4 g; Natri: 3,2 mg.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có lecithin đậu nành. Cần thận khi dùng cho trẻ em dưới 4 tuổi. Không được nuốt bất kỳ kẹo khi dùng. Không để kẹo gum bị ướt nước.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô thoáng. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày đóng gói (MDG) - Hạn sử dụng (HSD): Xem dưới đáy hũ.

Ngày sản xuất: 24 tháng trước hạn sử dụng.

Tự công bố sản phẩm số: 01-GF/LTV/2025.

LOTTE Sản xuất tại:
Công ty TNHH Lotte Thái Lan - 700830 Moo 6, Tambol Nongtamlung, Amphur Panthong, Tỉnh Chonburi 20160, Thái Lan. Xuất xứ: Thái Lan.

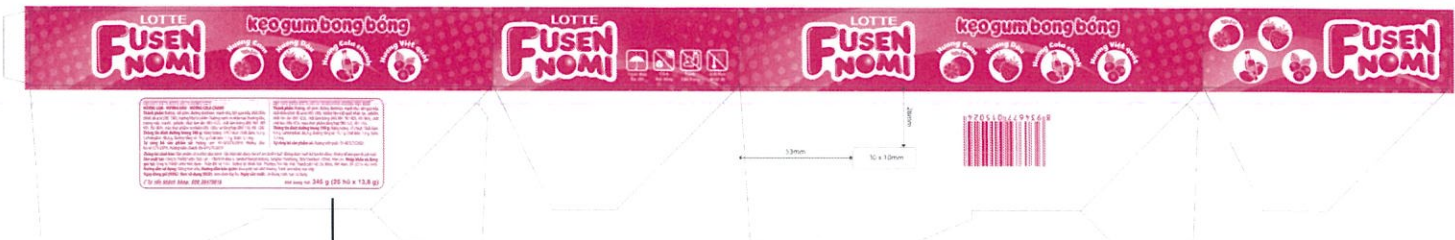
Nhập khẩu và đóng gói tại:
Công ty TNHH Lotte Việt Nam - Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: 0274-3827470.
Website: www.lotte.com.vn

Khối lượng tịnh: **13,8 g**

Tư Vấn Khách Hàng: 028-38 479 616

Phê duyệt TGĐ	Phê duyệt PGĐNM	Kiểm tra thiết kế Marketing	Kiểm tra nội dung Phòng QA
Ogawa Takaaki	Hồ Thị Kim Ngân	Đinh Nguyễn Ngự Hà	Nguyễn Thị Hồng Tâm

Sản phẩm	KẸO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI
Hương	VIỆT QUẤT
Loại bao bì	Khay
Khối lượng tịnh	345 g (25 hũ x 13,8 g)



KẸO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI

HƯƠNG CAM - HƯƠNG DẦU - HƯƠNG COLA CHANH

Thành phần: Đường, cốt gôm, đường dextrose, mạch nha, bột gạo nếp, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), hương liệu tự nhiên (hương cam) và nhân tạo (hương dầu, hương cola chanh), gelatin, chất làm ẩm (INS 422), chất làm bóng (INS 903, INS 901, INS 904), màu thực phẩm tự nhiên (INS 150c) và tổng hợp (INS 110, INS 124).

Thông tin dinh dưỡng trong 100 g: Năng lượng: 370,3 kcal; Chất đạm: 0,3 g; Carbohydrat: 88,6 g; Đường tổng số: 74,2 g; Chất béo: 1,7 g; Natri: 3,1 mg.

Tự công bố sản phẩm số: Hương cam: 01-GF/LTV/2019, Hương dầu: 02-GF/LTV/2019, Hương cola chanh: 03-GF/LTV/2019.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có lecithin đậu nành. Cần thận khi dùng cho trẻ em dưới 4 tuổi. Không được nuốt bã kẹo khi dùng. Không để kẹo gum bị ướt nước.

Sản xuất tại: Công ty TNHH Lotte Việt Nam - Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. ĐT: 0274-3827470.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô thoáng. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày đóng gói (NDG) - Hạn sử dụng (HSD): Xem dưới đáy hũ. **Ngày sản xuất:** 24 tháng trước hạn sử dụng.

☎ Tư vấn khách hàng: 028 38479616

KẸO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI HƯƠNG VIỆT QUẤT

Thành phần: Đường, cốt gôm, đường dextrose, mạch nha, bột gạo nếp, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), hương liệu việt quất nhân tạo, gelatin, chất làm ẩm (INS 422), chất làm bóng (INS 901, INS 903, INS 904), chất nhũ hóa (INS 473), màu thực phẩm tổng hợp (INS 122, INS 133).

Thông tin dinh dưỡng trong 100 g: Năng lượng: 372 kcal; Chất đạm: 0,4 g; Carbohydrat: 86,4 g; Đường tổng số: 75,7 g; Chất béo: 1,4 g; Natri: 3,2 mg.

Tự công bố sản phẩm số: Hương việt quất: 01-GF/LTV/2025.

Khối lượng tịnh: 345 g (25 hũ x 13,8 g)

Phê duyệt TGĐ  Ogawa Takaaki	Phê duyệt PGĐNM  Hồ Thị Kim Ngân	Kiểm tra thiết kế Marketing  Đinh Nguyễn Ngự Hà	Kiểm tra nội dung Phòng QA  Nguyễn Thị Hồng Tâm
--	--	--	---

Test Report No.VNT/F25/1021457
Dated 24/10/2025
Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/1021457
Ngày 24/10/2025



**Add value.
Inspire trust.**

Note: This report is issued subject to the Testing and Certification, Validation and Verification Regulations of the TÜV SÜD Group and the General Terms and Conditions of Business of TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. In addition, this report is governed by the terms set out within this report.

Lưu ý: Báo cáo này được phát hành tuân theo Quy định về Chứng nhận và Thử nghiệm, Xác minh và Xác nhận của Tập đoàn TÜV SÜD cũng như Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh Chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam. Ngoài ra, báo cáo này chịu sự điều chỉnh của các điều khoản được nêu trong báo cáo.

Applicant

Tên khách hàng

: **LOTTE VIETNAM COMPANY LIMITED**

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Plot No. 1183, Vo Minh Duc Street, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Attention

Người liên hệ

: Ms. Quyen

Date of receiving

Ngày nhận mẫu

: 03/10/2025 (13:00)

Temperature of sample as received

Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận

: Room temperature

Nhiệt độ thường

State of sample as received

Mô tả tình trạng mẫu khi nhận

: Sample intact in the plastic bag

Mẫu nguyên vẹn trong túi nhựa

Test Period

Thời gian thử nghiệm

: 03/10/2025 – 24/10/2025

Sample Description

Tên mẫu

: KẸO GUM BONG BÓNG LOTTE FUSEN NOMI HƯƠNG VIỆT QUẤT

Note: The submitted samples were not taken by laboratory/ Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm

The information was provided by client/ Thông tin được cung cấp bởi khách hàng.

Sample storage period 1 week after issuing the test report/ Thời gian lưu mẫu 1 tuần sau khi phát hành báo cáo thử nghiệm

This testing result is only valid on the tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 487

Laboratory:
TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.
Lot III-26, Street 19/5A, Industry Group
III, Tan Binh I.P, Tay Thanh Ward, Ho
Chi Minh City, Vietnam

Phone : +84-28-626785/11
Fax : +84-28-62678511
E-Mail: info.vn@tuvsud.com
<https://www.tuvsud.com/vi-vn>

The results reported herein have been performed in accordance with the terms of accreditation under the Vietnam Bureau of Accreditation. Tests marked (*) "Not Accredited" in this Report are not included in the BoA Accreditation Schedule for our laboratory.

Các kết quả được báo cáo ở đây đã được thực hiện theo các điều khoản công nhận của Văn phòng Công nhận Việt Nam. Các chỉ tiêu được đánh dấu (*) là "Chưa được Công nhận" trong Báo cáo này chưa có trong danh mục công nhận của BoA cho phòng thí nghiệm.

Regional Head Office:
TÜV SÜD Asia Pacific Pte. Ltd.
15 International Business Park
TÜV SÜD @ IBP
Singapore 609937
TUV®

Test Report No.VNT/F25/1021457
Dated 24/10/2025
Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/1021457
Ngày 24/10/2025



TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

No. STT	Specification Chỉ tiêu	Unit Đơn vị	Method Phương pháp	Result Kết quả	Detection Limit Giới hạn phát hiện
1.	Moisture Độ ẩm	g/100g	TCVN 4069:2009	2.08	-
2.	Sulfur dioxide (SO ₂) Lưu huỳnh điôxit	mg/Kg	AOAC 990.28	Not detected Không phát hiện	10
3.	Dietary fiber Chất xơ dinh dưỡng	g/100g	TPV-LAB-FTP-239 (Ref. AOAC 991.43)	5.63	-
4.	Acidity (as citric acid) Độ acid (tính theo axit citric)	%	TPV-LAB-FTP-308	0.42	-
5.	Energy (excluding Dietary Fiber) Năng lượng (không bao gồm chất xơ)	Kcal/100g	Calculate from fat, protein, carbohydrate (excluding dietary fiber), dietary fiber (*)	372	-
6.	Protein (Nx6.25) Chất đạm	g/100g	TCVN 10034:2013 ISO 1871:2009	0.41	-
7.	Carbohydrate content (excluding Dietary Fiber)/ Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm chất xơ)	g/100g	Ref. AOAC 986.25 & Calculated (*)	86.41	-
8.	Total sugar Đường tổng	g/100g	TPV-LAB-FTP-228 (Ref. TCVN 4594-88)	75.72	-
9.	Total fat Chất béo	g/100g	TPV-LAB-FTP-244 (Ref AOAC 996.06)	1.36	-
10.	Energy from fat Năng lượng từ béo	Kcal/100g	Calculate from fat (*)	12.24	-
11.	Ash Tro tổng	g/100g	TCVN 4070:2009	3.80	-
12.	Sodium (Na) Natri	mg/100g	TPV-LAB-FTP-256 (ICP-MS)	3.17	-
13.	Arsen (As) Asen	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP-MS)	Not detected Không phát hiện	0.05
14.	Cadmium (Cd) Cadmi	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP-MS)	Not detected Không phát hiện	0.05
15.	Lead (Pb) Chì	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP-MS)	Not detected Không phát hiện	0.05
16.	Mercury (Hg) Thủy ngân	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-256 (ICP-MS)	Not detected Không phát hiện	0.05
17.	Total aerobic count Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1:2013 Amd 1:2022	Not detected Không phát hiện	10
18.	Coliforms	MPN/g	ISO 4831:2006	0	0
19.	Escherichia coli	MPN/g	ISO 7251:2005 Amd 1:2023	0	0
20.	Staphylococcus aureus	CFU/g	ISO 6888-1: 2021 Amd 1:2023	Not detected Không phát hiện	10
21.	Salmonella spp.	/25g	ISO 6579-1:2017 Amd 1:2020	Absent Không phát hiện	-
22.	Yeasts and Moulds Tổng số nấm men - nấm mốc	CFU/g	FDA BAM April 2001, Chapter 18	Not detected Không phát hiện	10



TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: Cont'd

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	372	Kcal	18.6%
Chất đạm (Protein)	0.4	g	0.8%
Carbohydrat (Carbohydrate)	86.4	g	26.6%
Đường tổng số (Total Sugars)	75.7	g	-
Chất béo (Total Fat)	1.4	g	2.4%
Natri (Sodium)	3.2	mg	0.2%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày dựa trên chế độ ăn 2000 Kcal/người/ngày.			



38
T
H
S
U
N
A
3

Checked By

Hoang Thi Hai Yen
Operation Manager

Authorized By



Nguyen Thi Chan
FHB Manager

Test Report No.VNT/F25/1021457
Dated 24/10/2025
Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/1021457
Ngày 24/10/2025



Please note that this Report is issued under the following terms :

1. This report applies to the sample of the specific product/equipment given at the time of its testing. The results are not used to indicate or imply that they are applicable to other similar items. In addition, such results must not be used to indicate or imply that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. approves, recommends or endorses the manufacturer, supplier or user of such product/equipment, or that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any way "guarantees" the later performance of the product/equipment. Unless otherwise stated in this report, no tests were conducted to determine long term effects of using the specific product/equipment.
2. The sample/s mentioned in this report is/are submitted/supplied/manufactured by the Client. TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. therefore assumes no responsibility for the accuracy of information on the brand name, model number, origin of manufacture, consignment or any information supplied.
3. Nothing in this report shall be interpreted to mean that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. has verified or ascertained any endorsement or marks from any other testing authority or bodies that may be found on that sample.
4. This report shall not be reproduced wholly or in parts and no reference shall be made by the Client to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. or to the report or results furnished by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any advertisements or sales promotion.
5. Unless otherwise stated, the tests were carried out in TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd., Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III, Tan Binh I.P, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
6. The tests carried out by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. and this report is subject to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.'s General Terms and Conditions of Business and the Testing and Certification, Validation and Verification Regulations of the TÜV SÜD Group.

Effective 03 July 2025

Xin lưu ý rằng Báo cáo này được phát hành theo các điều khoản sau:

1. Báo cáo này áp dụng cho mẫu sản phẩm/thiết bị cụ thể được cung cấp tại thời điểm thử nghiệm. Các kết quả không được sử dụng để biểu thị hoặc ngụ ý rằng chúng có thể áp dụng cho các mặt hàng tương tự khác. Ngoài ra, không được sử dụng các kết quả đó để chỉ ra hoặc ngụ ý rằng Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam phê duyệt, khuyến nghị hoặc xác nhận nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc người sử dụng sản phẩm/thiết bị đó hoặc Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào "đảm bảo" hiệu suất sau này của sản phẩm/thiết bị. Trừ khi có quy định khác trong báo cáo này, không có thử nghiệm nào được tiến hành để xác định tác động lâu dài của việc sử dụng sản phẩm/thiết bị cụ thể.
2. (Các) mẫu được đề cập trong báo cáo này là/được gửi/cung cấp/sản xuất bởi Khách hàng. Do đó, Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về tên thương hiệu, số model, nguồn gốc sản xuất, lô hàng hoặc bất kỳ thông tin nào được cung cấp.
3. Không nội dung nào trong báo cáo này được hiểu là Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam đã xác minh hoặc xác nhận bất kỳ chứng thực hoặc dấu hiệu nào từ bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức kiểm định nào khác có thể tìm thấy trên mẫu đó.
4. Báo cáo này sẽ không được sao chép toàn bộ hoặc từng phần và Khách hàng sẽ không tham chiếu đến Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam hoặc báo cáo hoặc kết quả do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cung cấp trong bất kỳ quảng cáo hoặc khuyến mại nào.
5. Trừ khi có quy định khác, các thử nghiệm được thực hiện tại Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam, Lô III-26, Đường 19/5A, Cụm Công nghiệp III, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
6. Các thử nghiệm do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam thực hiện và báo cáo này tuân theo Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cũng như Quy định Chứng nhận và Thử nghiệm, Xác minh và Xác nhận của Tập đoàn TÜV SÜD.

Hiệu lực từ ngày 03 tháng 07 năm 2025.

-- END OF TEST REPORT/ KẾT THÚC BÁO CÁO THỬ NGHIỆM --

